

**Bản án số: 103/2023/HS-PT
Ngày 13 tháng 7 năm 2023**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhiên;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Thông;

Bà Hoàng Thị Hải Hường.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Khánh Hưng- Thẩm tra viên
Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 156/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Đ T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2023/HS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B. Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Đ T**, sinh năm 1994; tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa phổ thông: lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn ĐN, sinh năm 1973 và bà Nguyễn TL, sinh năm 1975; vợ: Đặng TH, sinh năm 1995 và có 02 con: con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Chưa.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/8/2022 đến ngày 28/8/2022 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có bị cáo K (có kháng cáo, ngày 12/7/2023 rút đơn kháng cáo), bị cáo T (không có kháng cáo); một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người bị hại; người làm chứng nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Buổi tối ngày 18/8/2022, Lê Văn T, sinh năm 1982 ở thôn 2, xã T, huyện Q, thành phố H là công nhân của Công ty TNHH SUNGDO ENG Việt Nam - hiện đang là nhà thầu xây dựng nhà xưởng cho Công ty TNHH HANA MYCRO VINA, thuộc Khu công nghiệp Vân Trung 2, thuộc địa phận thôn Chiền, xã Nội Hoàng, huyện Y, tỉnh B đi dự sinh nhật bạn và đến quán karaoke 198 tại xã T, huyện V để hát. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày T gọi điện cho Nguyễn Đ T, sinh năm 1994 ở thôn Đ, xã ĐH, huyện LN do C thường xuyên bán nước tại cổng công trường lên hát cùng. Quá trình nói chuyện T nói với C là khoảng 2 hôm nữa công trường lắp camera, có lấy sắt thì tối nay hoặc tối mai vào lấy mang đi bán lấy tiền uống bia. Nghe thấy vậy C hiểu ý là T cho vào trộm sắt trong công trường mang đi bán. C gọi điện thoại cho K, sinh năm 1991 ở thôn 7, xã Tăng Tiến, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến quán Karaoke 198, khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày K đến gặp C thì được C cho biết T cho vào công trường lấy trộm sắt vụn mang ra ngoài bán và rủ K đi lấy thì K đồng ý. K gọi điện cho anh H, sinh năm 2000 ở thôn TT, xã X, huyện S, thành phố H là người chuyên thu mua sắt vụn, K nói dối là có sắt vụn bán và bảo anh Hiệp điều khiển xe ô tô đến trạm bê tông Q, thuộc xã T, huyện V để cân xe, anh Hiệp đồng ý và điều khiển xe ô tô BKS: 29H- 575.15 đến.

Sau khi T, C, K hát xong khoảng 01 giờ ngày 19/8/2022, K cùng một số người bạn điều khiển xe mô tô chở T về phòng nghỉ. C mượn xe mô tô của K đi đến trạm bê tông Quốc An để cùng cân xe. Sau khi đưa T về, K nhờ bạn chở đến trạm bê tông Quốc An để K tại đây rồi đi về. K vào bên trong gặp C và anh Hiệp đang cân xe được 6,205 tấn. Lúc này, C gọi điện thoại cho bạn là anh Lưu Văn Sơn, sinh năm 1999 ở thôn Hai Cũ, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang, rồi đi về phòng trọ của mình ở thôn Chiền, xã Nội Hoàng, huyện Y gọi anh Lương Minh Sơn sinh năm 2006 thôn Lý, xã Yên Bình, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn và anh Triệu Văn Lâm, sinh năm 2002 ở thôn Ao Tán, xã Đồng Cốc, huyện Lục Ngạn (đều là nhân viên bán nước cho C). C nói với các anh Sơn và Lâm ra quán nước C nhờ chút việc. Do có quan hệ quen biết và được C nuôi ăn ở nên các anh Sơn, Lâm không hỏi C nhờ việc gì mà cứ thế đi với C đến khu vực C bán nước ở gần công trường xây dựng. C bảo K đi xe ô tô cùng anh Hiệp ra quán nước của C đón các em của C đi cùng thì K đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đi trước đến cổng công trường gặp bảo vệ là anh Nguyễn Bá Tú, sinh năm 1981 ở thôn Liên Sơn, xã Tiên Phong, huyện Y và anh Nguyễn Văn Hiên, sinh năm 1976 ở thôn Đại Lãm, xã Tam Dị, huyện Lục Nam. K nói với anh Hiên và anh Tú là T cho vào bốc sắt thì được anh Hiên đồng ý mở cửa cho xe ô tô của anh Hiệp đi vào công trường. C, K bảo anh Hiệp, anh Lâm và 2 anh Sơn cùng nhau bốc Sắt lên xe ô tô thì mọi người đồng ý. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày thì bốc xong, các loại sắt trộm được là sắt Phi 10, 12, 14, 16, 18 có chiều dài khoảng từ 30cm đến 3m, C bảo anh Lưu Văn Sơn, Lương Minh Sơn, Triệu Văn Lâm đi về, còn C và K và anh Hiệp quay lại trạm cân Quốc An để cân thì được 2,65 tấn sắt, anh Hiệp thanh toán bằng hình thức chuyển khoản cho C số tiền 24.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 61 ngày 23/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Y kết luận: 2,65 tấn sắt phi (D) 10, 12, 14, 16, 18 trị giá 43.505.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Đ T, K và Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSYD ngày 29/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đ T, K và Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 25/2023/HS-ST ngày 06/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1, 5 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đ T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 19/8/2022 đến ngày 28/8/2022.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/4/2023, bị cáo Nguyễn Đ T kháng cáo phần hình phạt của bản án sơ thẩm với đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo; rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo với lý do:

Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, đã bồi thường, khắc phục hậu quả và người bị hại xin cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất. Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện chấp hành, nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, số tiền 5.200.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo có đầy đủ nội dung và nộp trong thời hạn luật định nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết yêu cầu kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo C phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng sự K n hồng của pháp luật và hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Bị cáo nộp đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh B trong hạn luật định, theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã nhận định là đúng sự thật, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo đã được thẩm tra ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 18/8/2022, Lê Văn T là người quản lý an toàn tại công trường đã khởi xướng, xúi giục, tạo điều kiện cho Nguyễn Đ T vào công trường xây dựng để trộm cắp sắt mang đi bán lấy tiền cùng nhau chi tiêu cá nhân. Sau khi được sự đồng ý, khởi xướng của T, nên khoảng 03 giờ ngày 19/8/2022, Nguyễn Đ T rủ K vào công trường trộm cắp được 2,65 tấn sắt phi (D) 10, 12, 14, 16, 18 trị giá 43.505.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Đ T thì thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; khi hành vi bị phát hiện đã ra đầu thú. Bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã bồi thường cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó, bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, số tiền 5.200.000 đồng (*Biên lai số 0003893 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y*). Đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo thì thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Tại cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung và án phí HSST, đây là tình tiết giảm nhẹ mới được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, nhân thân tốt, việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù

giam không gây nguy hại cho xã hội. Để tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa, tự cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, xét tính nhân đạo và K n hòng của pháp luật. Căn cứ các quy định của Bộ luật hình sự và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP sửa đổi Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa C như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phúc thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm:

Kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đ T** được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về Khoản tiền 12.000.000 đồng tạm giữ của bị cáo để đảm bảo thi hành án, do bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ khoản tiền phạt bổ sung và án phí là 5.200.000 đồng theo bản án sơ thẩm đã tuyên. Cho nên xác nhận bị cáo đã chấp hành xong khoản tiền phạt bổ sung và án phí. Khoản tiền 12.000.000 đồng đang tạm giữ cần trả lại cho bị cáo.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn Đ T**, sửa bản án sơ thẩm. Giữ nguyên hình phạt của Bản án sơ thẩm nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 17, 58, 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đ T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là **02 năm 06 tháng**, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đ T cho Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện L, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho

hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Đ T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Xác nhận bị cáo đã thực hiện xong hình phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, tổng số tiền 5.200.000 đồng (Năm triệu hai trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0003893 ngày 12/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.

Trả lại bị cáo Nguyễn Đ T số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), đang bị tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA, CCTHADS Y;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã ĐH, L, BG;
- Lưu HS, HCTP;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nhiên